TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PL** **TỈNH BL**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25/4/2022
(V/v Tranh chấp yêu cầu xin ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL, TỈNH BL

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Văn An

Các hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Đặng Văn Chiểu

2/. Bà Dương Thị Tú Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Nhiên, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 131/2021/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp yêu cầu xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị SHH, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp BT B, xã VPT, huyện PL, tỉnh BL.

- Bị đơn: Anh HVS, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp LT, thị trấn PL, huyện PL, tỉnh BL.

(Chị H có đơn xin vắng mặt, anh S vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2021, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị SHH trình bày: Vào ngày 25/4/2020 âm lịch, được sự cho phép của hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán ở địa phương cho chị và anh HVS nên vợ thành chồng, hôn nhân của chị và anh S là hoàn toàn tự nguyện, sau

đó chị và anh S có đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã VPT, huyện PL cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân mâu thuẫn để chị yêu cầu xin ly hôn với anh HVS là do tính tình giữa hai người không hòa hợp, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng và không còn hạnh phúc như trước. Anh S thường hay dùng những lời lẽ nặng nề để xúc phạm đến danh dự của chị, và anh S thường xuyên hành hạ đánh đập đuổi chị ra khỏi nhà. Hiện tại chị và anh S đã sống ly thân khoảng hơn 02 tháng nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên nay chị yêu cầu xin ly hôn với anh HVS.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị và anh S chung sống với nhau không có người con chung nào với nhau. Nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định vợ chồng chung sống với nhau không có tạo lập tài sản chung cũng như không có nợ ai nên khi ly hôn chị không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh HVS: Mặc dù anh S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh S vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với anh S theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn chị SHH là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn anh HVS chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Chị H và anh S kết hôn với nhau vào năm 2020, hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, hiện tại anh chị mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh S nếu tiếp tục kéo dài thì cũng không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn với anh S là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị H và anh S chung sống với nhau không có con chung nên không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Khi ly hôn chị H và anh S không đặt ra yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình chị SHH phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị H có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh HVS, anh S có địa chỉ cư trú tại huyện PL. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện PL.

Chị SHH có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H.

Anh HVS đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh S vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh S.

[2] Về nội dung vụ án: Chị H và anh S kết hôn với nhau vào năm 2020, hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, sau đó anh chị có đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã VPT, huyện PL cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị SHH đối với anh HVS. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ. Nhưng trong thời gian chung sống vợ chồng chị H và anh S lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mẫu thuẫn không thể hàn gắn. Hiện tại chị H và anh S cũng đã sống ly thân với nhau khoảng 02 tháng nay. Trong thời gian qua cả hai anh chị đều không có biện pháp cụ thể nào để thể hiện anh chị muốn hàn gắn lại với nhau, anh chị không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Như vậy chứng tỏ cuộc sống vợ chồng của chị H và anh S là không thể hàn gắn lại được, cuộc sống chung đã không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh S là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị H và anh S chung sống với nhau không có con chung nên nay ly hôn chị H không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị SHH xác định trong thời gian chung sống vợ chồng chị và anh S không có tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tuy nhiên, vào ngày 06/12/2021, bị đơn anh HVS có đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung đối với nguyên đơn chị SHH. Tòa án có thông báo cho anh S nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định nhưng đã hết thời hạn mà anh HVS không nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho Tòa án nên Hội đồng xét xử không tiến hành xem xét yêu cầu trên của anh S trong vụ án này là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[5] Từ những nhận định trên xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị SHH đối với anh HVS. Cho chị SHH được ly hôn với anh HVS.

2/.Về con chung: Không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét giải quyết.

3/.Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra yêu cầu xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị SHH phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004875 ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL.

5/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6/. Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt các đương sự, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận*:*
- TAND tỉnh BL;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Danh Văn An